

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHŨ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DSST
Ngày 30 – 6- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHŨ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Mai;
- Ông Tống Đăng Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chũ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chũ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-ST ngày 27/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982 “có mặt”.

Địa chỉ: B, xã N, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà có đăng ký kinh doanh bán hàng điện nước, điện gia dụng. Bà sống độc thân, đã ly hôn chồng từ khoảng năm 2006. Vào khoảng những năm 2021 đến năm 2023 nhà bà Trương Thị S1, chồng bà S là Nguyễn Hữu T có xây nhà và đến mua thiết bị điện, nước, gồm dây cáp ngắn, khóa, cầu dao đảo chiều, vòi, ống nước...(có hóa đơn kèm theo). Khi mua có hóa đơn bán hàng, ông T bà S là người trực tiếp sang lấy hàng, lựa chọn và lấy gì thì cửa hàng sẽ cử người chở đến trực tiếp, khi giao hàng đến nhà thì bà S là người trực tiếp kiểm hàng và ký nhận hóa đơn giao hàng.

Nay bà S, ông T khai là không phải là người trực tiếp mua thiết bị điện nước của cửa hàng bà mà có người tên C sang mua hàng là không đúng. Bà xác định bà S, ông T trực tiếp sang mua hàng. Bà không quen biết anh C như lời trình bày của bà S.

Nay bà xác định bà S, ông T mua hàng của bà và có chữ ký nhận hàng thì phải có trách nhiệm trả nợ cho bà. Tổng số hàng lấy từ năm 2021 đến năm 2023 bà S, ông T lấy hàng cứ từng mã nợ, mã trả tiền gởi nhau và chốt lại công nợ hiện nay còn nợ bà 17.054.000đ (mười bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) - Hai hóa đơn ngày 10/7/2023; ngày 17/7/2023 có chữ ký của bà Trương Thị S.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị S và ông T phải trả nợ cho bà số tiền 17.054.000đ (mười bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên nội dung trình bày trên nhưng nay bà chỉ yêu cầu bà Trương Thị S phải trả số tiền hàng còn thiếu 17.054.000đ, không yêu cầu ông T phải trả nợ vì bà S là người trực tiếp ký nhận nợ.

Bị đơn bà Trương Thị S trình bày:

Vào khoảng từ năm 2020 đến 2023 gia đình bà có xây nhà và hoàn thiện về phần điện nước vào năm 2023. Phần điện nước gia đình bà thuê một người tên là C ở xã M thi công, lắp đặt (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) và thỏa thuận bằng miệng với anh C là người trực tiếp mua đồ thiết bị điện nước và lắp đặt hoàn thiện, khi nào nghiệm thu công trình thì gia đình bà sẽ thanh toán tiền trực tiếp với anh C. Anh C mua thiết bị điện ở đâu bà không rõ. Vào ngày 10/7/2023 và

ngày 17/7/2023 có người mang thiết bị điện nước đến nhà bà giao, bà là người kiểm kê các thiết bị theo hai hóa đơn và ký nhận nợ số tiền là 17.054.000 đồng. Số tiền nợ này bà xác định là đúng, tuy nhiên bà có trách nhiệm trả cho anh C để anh C trả cho bà H chứ bà không biết bà H là ai. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện trên của bà H.

Ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông T thống nhất quan điểm trình bày trên của bà Trương Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 430; Điều 434; Điều 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Trương Thị S phải trả tiền cho bà Vũ Thị H số tiền 17.054.000đ. Ngoài ra còn đề nghị lãi suất chậm thi hành án về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:* Đây là tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng mua bán tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã Chũ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phiên, tại phiên tòa mở lần thứ hai đương sự vắng mặt không lý lo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:*

Lời khai của bà Vũ Thị H vào ngày 10/7/2023 và ngày 17/7/2023 bà H có bán cho gia đình bà Trương Thị S một số thiết bị điện nước lắp đặt trong nhà gồm dây cáp ngắn, khóa, cầu dao đảo chiều, vòi, ống nước và một số thiết bị khác có (có hóa đơn kèm theo), tổng chốt tiền hàng 17.054.000đ. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ bà Vũ Thị H cung cấp là hóa đơn mua hàng và chốt công nợ ngày 10/7/2023 và ngày 17/7/2023 có chữ ký của bà Trương Thị S (việc này bà S cũng thừa nhận mình là người ký nhận nợ trong hóa đơn); ngoài ra thực tế lời khai các bên đều xác định gia đình bà S, ông T có xây nhà vào thời điểm năm 2023 là có thật, các thiết bị điện nước khi nhận của bà H đều lắp đặt trong nhà bà S. Nay bà S và ông T cho rằng việc mua thiết bị điện nước của bà H là do người có tên là C và anh C là người phải thanh toán với bà H. Về phía bà H không thừa nhận việc này. Bà S và ông T ngoài lời trình bày thì không đưa ra được căn cứ chứng minh việc anh C mới là người mua hàng của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho các đương sự đối chất với nhau và Tòa án đã yêu cầu, ấn định thời gian cho vợ chồng bà S phải cung cấp tài liệu chứng minh việc anh C là người mua hàng của bà H, cung cấp họ, sinh năm và nơi ở cụ thể của anh C để Tòa án báo lên làm rõ sự việc nhưng vợ chồng bà S không cung cấp được. Từ những phân tích trên, xác định gia đình bà S có việc mua tài sản là các thiết bị điện, nước của bà Vũ Thị H thể hiện chữ ký của bà S trong các hóa đơn bà H cung cấp cho Tòa án. Đây xác định là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng mua bán tài sản. Đến nay bà H đã nhiều lần đòi tiền gia đình bà S nhưng bà S không trả tiền. Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu chỉ đề nghị một mình bà S phải trả số tiền trên vì cho rằng bà S là người trực tiếp ký nhận vì vậy Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, căn cứ vào Điều 430; Điều 434; Điều 440 Bộ luật dân sự, cần buộc bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thiết bị điện nước còn thiếu 17.054.000đồng cho bà Vũ Thị H. Do bà H không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà S phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, bà S phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430; Điều 434; Điều 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà Vũ Thị H số tiền 17.054.000đ (Mười bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trương Thị S phải chịu 852.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền 450.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006446 ngày 06/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn (nay thị xã C).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hà Bắc Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

